

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12
BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 2. TÔI TRƯỞNG THÀNH
(Số tiết: 11 — tuần 4 đến tuần 7, tiết 10 đến tiết 20)

Giáo viên: Lê Thị Thìn

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Nêu được các biểu hiện và việc làm thể hiện sự trưởng thành của cá nhân trên ba mặt: thể chất, tâm lý và xã hội.
- Trình bày được các biểu hiện của phẩm chất ý chí và của sự đam mê; nhận diện được ý chí và đam mê của chính mình.
- Chỉ ra được các đặc điểm của người có tư duy độc lập và thể hiện được tư duy độc lập khi trình bày quan điểm của bản thân.
- Kể được các hành động thể hiện khả năng thích ứng của cá nhân với sự thay đổi; nêu được những việc cần làm để thích ứng với thay đổi đang và sẽ đến trong cuộc sống của mình.
- Nhận biết được quyền và trách nhiệm công dân của bản thân, trong đó có quyền được bảo vệ thông tin cá nhân trên môi trường số.
- Giới thiệu được đam mê của bản thân và quá trình theo đuổi đam mê đó.
- Thể hiện được việc làm chứng tỏ sự trưởng thành và thể hiện được ý chí của bản thân trong các tình huống của cuộc sống.
- Lập và thực hiện được kế hoạch rèn luyện phẩm chất ý chí, sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng; nhận xét được kết quả rèn luyện theo kế hoạch đó.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi nhận diện những thay đổi đang tới ở ngưỡng rời trường phổ thông và tìm cách ứng phó; năng lực định hướng nghề nghiệp khi soi lại đam mê và ý chí của bản thân để chọn hướng đi sau lớp 12.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự đánh giá mức trưởng thành của mình và lập kế hoạch rèn luyện; giao tiếp và hợp tác khi tranh biện và khi sắm vai; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lý các tình huống đòi hỏi phải tự quyết định giữa nhiều lời khuyên trái chiều.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

4.2.NC1a – bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số. Cụ thể trong chủ đề này: trên phiếu giấy, học sinh liệt kê những thông tin cá nhân mình từng đưa lên

mạng, phân thành ba nhóm là công khai được, chỉ chia sẻ hẹp và tuyệt đối không chia sẻ; ghi lại ba mục cần khoá hoặc gỡ và nêu rủi ro của từng mục nếu để công khai.

12.B1 – vấn đề đạo đức của trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên nhập vào từ khoá về một học sinh giả định lên máy của lớp, yêu cầu phần mềm trí tuệ nhân tạo mô tả điểm mạnh của bạn ấy rồi chiếu lên tivi; học sinh đối chiếu bản mô tả đó với phiếu tự đánh giá của mình và chỉ ra ba chỗ máy suy đoán sai vì thiếu dữ liệu cá nhân, kèm câu trả lời cho câu hỏi có nên đưa thêm dữ liệu thật vào để máy đoán đúng hơn không.

Minh chứng: phiếu ba nhóm thông tin cá nhân kèm ba mục cần khoá và rủi ro tương ứng; phiếu đối chiếu bản mô tả của máy với phiếu tự đánh giá, ghi rõ ba chỗ máy đoán sai và lí do; kế hoạch rèn luyện bốn mặt của bản thân.

3. Phẩm chất

Trung thực: nhận đúng mức trưởng thành của mình, không tô hồng cũng không hạ thấp bản thân khi tự đánh giá.

Trách nhiệm: làm tròn vai của mình trong gia đình và trong lớp; giữ đúng những cam kết đã đặt ra trong kế hoạch rèn luyện.

Chăm chỉ: kiên trì theo đuổi đam mê đã chọn, không bỏ dở khi gặp trở ngại hay khi kết quả chưa như mong muốn.

Yêu nước và trách nhiệm công dân: hiểu và chủ động thực hiện quyền cùng trách nhiệm công dân của mình ở tuổi mười tám, kể cả trên môi trường số.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 14–23 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối Internet; giấy A3, giấy A4, bút màu, giấy nhớ ba màu khác nhau; bản in trường hợp của Khánh ở trang 17 và của Quân ở trang 18; bản in các tình huống ở trang 19, trang 20, trang 21; bản in một bản mô tả điểm mạnh do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết cho một học sinh giả định, dùng khi mất mạng; phiếu học tập ở Phụ lục 1; một đoạn phim ngắn hoặc bài hát về tuổi mười tám để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; một tấm ảnh của mình chụp cách đây ba năm và một tấm chụp gần đây để so sánh; danh sách những việc nhà và việc lớp mà em đang đảm nhận.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng bản mô tả do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết đã in sẵn từ trước thay cho việc chạy trực tiếp trên máy; các trường hợp và tình huống đều đã có bản in nên mọi nhiệm vụ vẫn làm tròn được trên phiếu giấy. Bảng kế hoạch rèn luyện kẻ tay trên giấy A4, không cần bảng tính.

An toàn: chỉ giáo viên thao tác trên máy của lớp và chỉ dùng dữ liệu của một học sinh giả định, tuyệt đối không nhập tên thật, ngày sinh, số điện thoại hay địa chỉ của bất kì em nào vào phần mềm. Phiếu rà soát thông tin cá nhân là tài liệu riêng của mỗi em, không thu, không đọc trước lớp, không chụp lại; khi chia sẻ trước lớp học sinh chỉ nói nhóm thông tin, không nói nội dung cụ thể. Phần chia sẻ về hoàn cảnh gia đình được giữ kín trong nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: nhận ra mình đã lớn → gọi tên ý chí và đam mê → tập nghĩ bằng đầu mình → biết bảo vệ dữ liệu của mình → tập ứng phó với thay đổi → làm thật để chứng tỏ sự trưởng thành → lập kế hoạch rèn luyện lâu dài.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
10	Người bạn ấy đã trưởng thành ở chỗ nào?	Bảng ba mặt trưởng thành: thể chất, tâm lí, xã hội	45 phút
11	Ý chí và đam mê hiện ra qua những việc gì?	Bảng biểu hiện ý chí và đam mê rút từ trường hợp của Khánh	45 phút
12	Giữ ý kiến của mình và bảo thủ khác nhau ra sao?	Biên bản tranh biện và bảng bảy đặc điểm tư duy độc lập	45 phút
13	Thông tin nào của em không nên đưa lên mạng?	Phiếu ba nhóm thông tin cá nhân kèm ba mục cần khoá	45 phút
14	Máy mô tả em có đúng không và vì sao nó đoán sai?	Phiếu đối chiếu bản mô tả của máy với phiếu tự đánh giá	45 phút
15	Thích ứng với thay đổi bắt đầu từ việc gì?	Bảng biểu hiện thích ứng rút từ trường hợp của Quân	45 phút
16	Người trưởng thành ứng xử thế nào khi bị nghi ngờ?	Hai kịch bản sắm vai và kế hoạch một việc thể hiện sự trưởng thành	45 phút
17	Đam mê của em bắt đầu từ đâu và đã đi tới đâu?	Bài giới thiệu đam mê và nhóm bạn cùng đam mê	45 phút
18	Làm sao giữ được ý chí khi mọi thứ chống lại mình?	Hai kịch bản thể hiện ý chí và bảng cách duy trì ý chí	45 phút
19	Tư duy độc lập được thử thách trong tình huống nào?	Kết quả tranh biện hai nhận định và ba phương án xử lí tình huống	45 phút
20	Bốn năm tới em sẽ rèn luyện điều gì?	Bảng thay đổi – việc cần làm và kế hoạch rèn luyện bốn mặt	45 phút

TIẾT 10. NHỮNG BIỂU HIỆN TRƯỞNG THÀNH CỦA CÁ NHÂN

Hoạt động 1. Mở đầu – Đoán xem người đó là ai (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên hứng thú với chủ đề bằng một trò chơi và làm xuất hiện câu hỏi: trưởng thành được nhìn ra bằng những dấu hiệu nào.

b) Nội dung: Trò chơi ở hoạt động 1 sách giáo khoa trang 16. Mỗi nhóm bí mật chọn một bạn học trong lớp và mô tả 5 biểu hiện của sự trưởng thành của bạn ấy, không nêu tên; cả lớp đoán tên người được mô tả.

c) Sản phẩm: Sáu thẻ mô tả của sáu nhóm, mỗi thẻ có năm dòng biểu hiện; danh sách các dấu hiệu trưởng thành mà cả lớp nhận ra được ghi lên bảng.

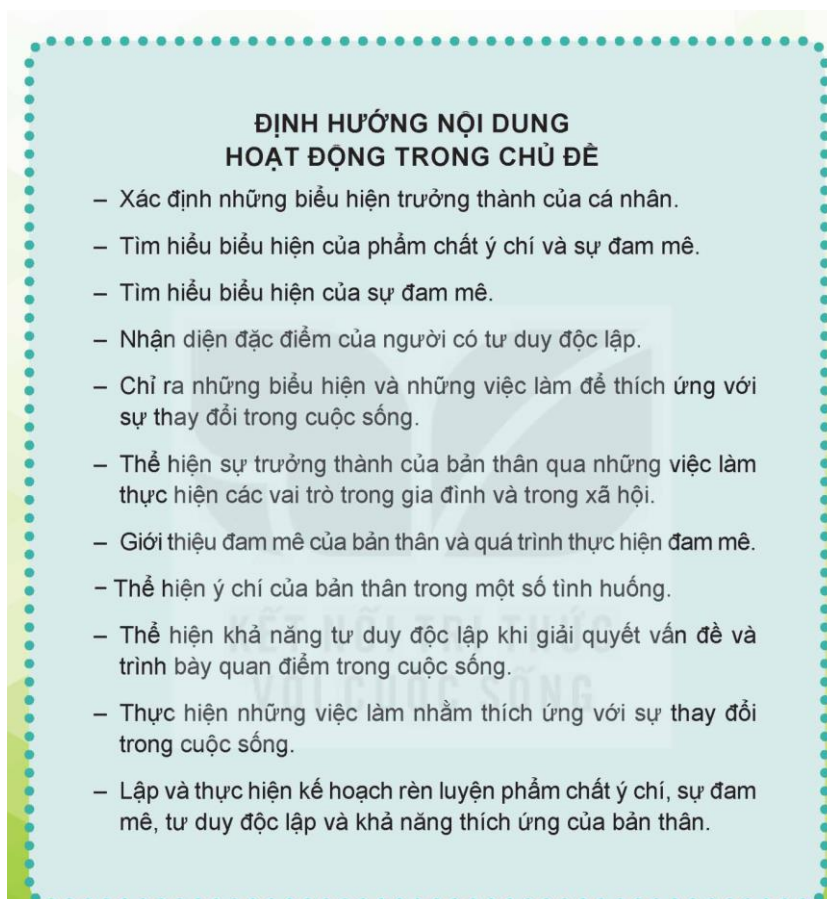
d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên phát mỗi nhóm một thẻ giấy, nêu luật chơi: mô tả năm biểu hiện trưởng thành, chỉ nói điều tốt, không nói ngoại hình theo hướng chê.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Các nhóm bí mật chọn bạn và viết năm biểu hiện. Giáo viên nhắc các nhóm viết biểu hiện đủ riêng để đoán ra được nhưng đủ tế nhị để bạn ấy vui khi nghe.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Các nhóm lần lượt đọc thẻ, lớp đoán tên. Giáo viên ghi nhanh lên bảng những dấu hiệu được nhắc nhiều nhất.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Nhìn vào bảng vừa ghi, các em thấy trưởng thành không chỉ là cao lên hay đổi giọng. Mười một tiết trời của chủ đề này sẽ đi vào từng mặt của sự trưởng thành ấy.



Khung định hướng nội dung hoạt động trong chủ đề — SGK trang 15

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết mười một định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 15, từ biểu hiện trưởng thành, ý chí, đam mê, tư duy độc lập đến khả năng thích ứng và kế hoạch rèn luyện bản thân.

b) Nội dung: Mười ba nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 10 đến tiết 20, tám mươi hoạt động của sách giáo khoa trang 16 đến trang 23.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Ba mặt trưởng thành của một con người (37')

a) Mục tiêu: Nhận diện được những biểu hiện trưởng thành của cá nhân trên ba mặt thể chất, tâm lí và xã hội; xác định được mình đang ở đâu trên từng mặt.

b) Nội dung: Gợi ý ở hoạt động 1 sách giáo khoa trang 16 chia biểu hiện trưởng thành thành ba mặt. Trưởng thành về thể chất gồm tăng chiều cao, thay đổi cân nặng, thay đổi giọng nói. Trưởng thành về tâm lí gồm có ý chí và kiên định với mục tiêu đề ra, có đam mê riêng và quyết tâm theo đuổi, có khả năng tư duy độc lập, có khả năng linh hoạt thích ứng với thay đổi của cuộc sống. Trưởng thành về xã hội gồm nhận biết quyền và trách nhiệm công dân, có ý thức thực hiện quyền và trách nhiệm ấy, chủ động thiết lập và duy trì các mối quan hệ xã hội, thực hiện việc làm thể hiện quyền và trách nhiệm của bản thân trong gia đình, có khả năng tổ chức cuộc sống cá nhân, công việc và quản lí bản thân. Ví dụ về bạn V ở trang 16 được dùng làm mẫu để đối chiếu.

c) Sản phẩm: Bảng ba mặt trưởng thành trên giấy A3 của nhóm, mỗi mặt có ít nhất bốn biểu hiện kèm một việc làm minh họa; phiếu tự soi cá nhân ở mục B Phụ lục 1 với ba mức đã vững, đang tập, chưa bắt đầu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4’): Giáo viên kẻ bảng ba cột lên bảng lớp, phát mỗi nhóm một tờ A3 và nêu nhiệm vụ kép: nhóm dựng bảng chung, mỗi cá nhân tự soi mình theo ba mức trên phiếu riêng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18’): Các nhóm đọc gợi ý trang 16, xếp biểu hiện vào ba cột rồi thêm việc làm minh họa. Sau đó mỗi em tự đánh dấu ba mức vào phiếu. Giáo viên gợi ý nhóm nào lúng túng ở mặt xã hội bằng câu hỏi: ở tuổi mười tám các em có thêm quyền gì mà năm ngoái chưa có.

3. Báo cáo, thảo luận (10’): Ba nhóm treo bảng và trình bày. Lớp đối chiếu với ví dụ về bạn V ở trang 16 và cùng đếm xem trong ví dụ ấy sách nêu mấy biểu hiện so với con số 5 mà đề bài yêu cầu; giáo viên để lớp tự phát hiện chỗ chưa khớp và nêu nhận xét của mình.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Trưởng thành về thể chất đến tự nhiên theo tuổi, nhưng trưởng thành về tâm lí và xã hội thì phải rèn mới có. Bốn biểu hiện ở mặt tâm lí chính là bốn nội dung lớn mà chủ đề này sẽ đi lần lượt: ý chí, đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng.

TIẾT 11. BIỂU HIỆN CỦA PHẨM CHẤT Ý CHÍ VÀ SỰ ĐAM MÊ

Kết nối hai tiết (3’): Bảng ba mặt ở tiết trước cho thấy mặt tâm lí có bốn nội dung phải rèn. Tiết này đi vào hai nội dung đầu, cũng là hai thứ đi liền với nhau: ý chí và đam mê.

Nhiệm vụ 2.2. Ý chí và đam mê của Khánh hiện ra ở đâu (42’)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được những biểu hiện của ý chí và của sự đam mê trong một trường hợp cụ thể; nêu được các biểu hiện chung của hai phẩm chất này và liên hệ với bản thân.

b) Nội dung: Trường hợp ở hoạt động 2 sách giáo khoa trang 17: Khánh mong muốn trở thành cầu thủ bóng rổ chuyên nghiệp, chơi bóng rổ từ năm học lớp 8 và là thành viên Câu lạc bộ Bóng rổ của trường; Khánh tìm đọc sách báo, xem các trận đấu đỉnh cao, tìm hiểu về vận động viên, câu lạc bộ nổi tiếng, về kĩ thuật và chiến thuật; Khánh tự tạo một chỗ chơi

bóng rổ ngay cạnh nhà và luyện tập bất cứ lúc nào rảnh; Khánh tham gia đều đặn các buổi tập dù đôi khi mệt mỏi, thiếu thời gian nghỉ vì việc học năm cuối cấp rất bận rộn. Từ đó lớp rút ra sáu biểu hiện của phẩm chất ý chí và năm biểu hiện của sự đam mê mà sách gợi ý ở cùng trang.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột của nhóm: cột ý chí và cột đam mê, mỗi cột ghi biểu hiện chung kèm câu trích dẫn từ trường hợp của Khánh làm bằng chứng; phiếu liên hệ cá nhân ở mục B Phụ lục 1.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên phát bản in trường hợp của Khánh, chia lớp thành sáu nhóm và giao nhiệm vụ: gạch chân từng chi tiết rồi xếp vào cột ý chí hay cột đam mê, có chi tiết thuộc cả hai.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18’): Các nhóm làm bảng hai cột. Giáo viên gợi mở bằng một cách phân biệt: đam mê trả lời câu hỏi em thích gì, còn ý chí trả lời câu hỏi em vẫn làm khi không còn thích nữa. Sau đó mỗi em viết hai dòng liên hệ bản thân.

3. Báo cáo, thảo luận (14’): Bốn nhóm trình bày, lớp tranh luận về những chi tiết bị xếp khác nhau, ví dụ chi tiết tham gia đều đặn dù mệt mỏi thuộc ý chí hay đam mê. Giáo viên để hai nhóm bảo vệ cách xếp của mình rồi cùng chốt.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Đam mê cho các em sức bật lúc đầu, ý chí giữ các em lại lúc chán. Trường hợp của Khánh đáng học ở chỗ bạn ấy vẫn đến buổi tập vào đúng năm cuối cấp bận rộn nhất, và đó là ranh giới giữa một sở thích với một con đường.

TIẾT 12. ĐẶC ĐIỂM CỦA NGƯỜI CÓ TƯ DUY ĐỘC LẬP

Kết nối hai tiết (3’): Có ý chí mà nghe theo mọi lời khuyên thì cũng chưa đi được xa. Tiết này lớp bàn về nội dung thứ ba của mặt tâm lí: nghĩ bằng cái đầu của chính mình.

Nhiệm vụ 2.3. Tranh biện hai ý kiến về người tư duy độc lập (20’)

a) Mục tiêu: Phân biệt được tư duy độc lập với sự bảo thủ qua việc tranh biện hai ý kiến trái chiều và đưa ra ví dụ cụ thể làm minh chứng.

b) Nội dung: Hai ý kiến ở hoạt động 3 sách giáo khoa trang 17. Ý kiến thứ nhất: người tư duy độc lập là người luôn giữ ý kiến của mình trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ý kiến thứ hai: người có tư duy độc lập là người luôn có cách nhìn riêng, biết thu thập, phân tích thông tin đa chiều trước khi đưa ra kết luận. Lớp chia hai phe tranh biện, mỗi phe phải đưa ví dụ cụ thể làm minh chứng.

c) Sản phẩm: Biên bản tranh biện gồm bốn lí lẽ của mỗi phe kèm ví dụ minh chứng và một câu kết luận chung của lớp về ranh giới giữa độc lập và bảo thủ.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên viết hai ý kiến lên bảng, chia lớp thành hai phe theo dãy bàn, cử một học sinh làm thư kí ghi biên bản, nêu luật: mỗi lí lẽ phải kèm một ví dụ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Hai phe chuẩn bị lí lẽ và ví dụ. Giáo viên gợi mở cho phe bảo vệ ý kiến thứ nhất một trường hợp có thật là người phát hiện ra điều đúng khi cả tập thể đều nói ngược lại.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Hai phe tranh biện, mỗi lượt một lí lẽ, luân phiên bốn lượt. Thư kí ghi biên bản lên bảng cho cả lớp cùng nhìn.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Người bảo thủ giữ ý kiến vì đó là ý kiến của mình; người tư duy độc lập giữ ý kiến vì đã kiểm chứng và sẵn sàng đổi khi có bằng chứng ngược lại. Ranh giới nằm ở chỗ có chịu nghe và có chịu kiểm hay không.

Nhiệm vụ 2.4. Bày đặc điểm của người có tư duy độc lập (22')

a) Mục tiêu: Xác định được những biểu hiện của tư duy độc lập và đối chiếu được với cách nghĩ quen thuộc của bản thân.

b) Nội dung: Bày biểu hiện ở hoạt động 3 sách giáo khoa trang 18: không lệ thuộc vào ý kiến của người khác; biết lắng nghe ý kiến hợp lí của người khác; có cách nhìn riêng dựa trên quan sát và kinh nghiệm cá nhân; biết tự đánh giá, tự kiểm chứng thông tin trước khi đưa ra ý kiến; có thái độ bình tĩnh, không vội vàng nghe theo ý kiến của người khác; có kĩ năng thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; phân tích, xác định những dấu hiệu bản chất của sự vật.

c) Sản phẩm: Bảng bày đặc điểm trên giấy A3, mỗi đặc điểm ghép với một tình huống học đường mà nó giúp xử lí; phiếu tự soi cá nhân với ba đặc điểm em thấy mình còn yếu nhất.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chép bảy đặc điểm lên bảng và giao nhiệm vụ ghép: mỗi đặc điểm gắn với một tình huống có thật ở lớp mà đặc điểm ấy giúp xử lí.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm làm bảng ghép, sau đó mỗi cá nhân đánh dấu ba đặc điểm mình còn yếu. Giáo viên gợi ý tình huống thường gặp: bạn chuyển cho một tin giật gân, cả nhóm cùng chọn một phương án mà mình thấy chưa ổn.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày bảng ghép. Lớp chỉ ra đặc điểm nào không tìm được tình huống nào trong đời sống của lớp và cùng nghĩ thêm.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Bảy đặc điểm này chia làm hai vế. Ba đặc điểm đầu giữ cho các em không bị cuốn theo, bốn đặc điểm sau dạy các em cách kiểm chứng. Thiếu vế sau thì độc lập chỉ còn là cứng đầu.

TIẾT 13. QUYỀN CÔNG DÂN VÀ VIỆC BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN CỦA EM

Kết nối hai tiết (3'): Trưởng thành về mặt xã hội, như bảng ở tiết 10 đã ghi, bắt đầu từ việc nhận biết quyền và trách nhiệm công dân. Tiết này lớp làm việc với một quyền rất cụ thể ở tuổi mười tám: quyền được bảo vệ thông tin cá nhân của chính mình.

Nhiệm vụ 2.5. Ba nhóm thông tin cá nhân và ba mục cần khoá (42')

a) Mục tiêu: Nhận biết được quyền và trách nhiệm công dân của bản thân trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân; phân loại được thông tin cá nhân theo mức chia sẻ và chỉ ra được rủi ro của việc để công khai những thông tin không nên công khai.

b) Nội dung: Học sinh làm việc trên phiếu giấy ở mục C Phụ lục 1. Trước hết mỗi em liệt kê những thông tin về mình đã từng đưa lên mạng hoặc đã từng cung cấp cho một trang nào đó. Sau đó xếp chúng vào ba nhóm: công khai được, chỉ chia sẻ với người quen, tuyệt đối không chia sẻ. Cuối cùng chọn ba mục cần khoá hoặc gỡ ngay và ghi rủi ro của từng mục. Việc này gắn với biểu hiện trưởng thành về xã hội ở trang 16 là có ý thức thực hiện quyền và trách nhiệm công dân của bản thân.

c) Sản phẩm: Phiếu ba nhóm thông tin cá nhân của mỗi học sinh kèm ba mục cần khoá và rủi ro tương ứng; bảng tổng hợp của lớp trên bảng lớp chỉ ghi tên nhóm thông tin, không ghi nội dung cụ thể của ai.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên nêu rõ quy ước an toàn: phiếu này là của riêng mỗi em, thầy cô không thu, không đọc, khi chia sẻ chỉ nói tên nhóm thông tin. Sau đó giáo viên làm mẫu trên bảng với một hồ sơ giả định của bạn học sinh tên là M.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18’): Học sinh liệt kê rồi phân loại vào ba nhóm, sau đó chọn ba mục cần khoá và ghi rủi ro. Giáo viên đi một vòng, gợi ý bằng một câu hỏi duy nhất: nếu người lạ có đúng thông tin này thì họ làm được gì với em.

3. Báo cáo, thảo luận (14’): Lớp gom bảng chung: từng em chỉ nêu tên nhóm thông tin mình xếp vào ô tuyệt đối không chia sẻ, giáo viên ghi lên bảng và đánh dấu những mục được nhiều em nhắc. Lớp bàn tiếp: những mục ấy bị lộ thì hậu quả gần nhất là gì.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Ở tuổi mười tám, các em tự chịu trách nhiệm về dữ liệu của mình. Ngày sinh đầy đủ, số điện thoại, địa chỉ nhà và ảnh giấy tờ là bốn thứ hay bị đưa lên mạng nhất và cũng là bốn thứ giúp người lạ mạo danh dễ nhất. Bảo vệ dữ liệu của mình là một phần của việc làm chủ cuộc đời mình.

TIẾT 14. MÁY MÔ TẢ ĐIỂM MẠNH CỦA MỘT NGƯỜI CHÍNH XÁC ĐẾN ĐẤU

Kết nối hai tiết (3’): Tiết trước lớp đã quyết định giữ lại những dữ liệu nào cho riêng mình. Tiết này lớp thấy mặt kia của quyết định ấy: khi thiếu dữ liệu, một phần mềm trí tuệ nhân tạo sẽ mô tả các em ra sao.

Nhiệm vụ 2.6. Đối chiếu bản mô tả của máy với phiếu tự đánh giá (42’)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được những chỗ phần mềm trí tuệ nhân tạo suy đoán sai vì thiếu dữ liệu cá nhân; nêu được quan điểm của bản thân về việc có nên đưa thêm dữ liệu thật vào để máy đoán đúng hơn hay không.

b) Nội dung: Giáo viên nhập lên máy của lớp vài từ khoá về một học sinh giả định tên M, ví dụ học lớp 12, thích bóng rổ, hay giúp bạn, rồi yêu cầu phần mềm trí tuệ nhân tạo mô tả điểm mạnh của bạn ấy và chiếu kết quả lên tivi. Học sinh đối chiếu bản mô tả này với phiếu tự đánh giá ba mặt trưởng thành mà mình đã làm ở tiết 10, tìm ba chỗ máy đoán sai và giải thích vì sao sai. Sau đó lớp bàn câu hỏi khó: muốn máy đoán đúng hơn thì phải đưa thêm dữ liệu thật, nhưng đưa thêm thì mất phần riêng tư vừa giữ ở tiết 13.

c) Sản phẩm: Phiếu đối chiếu ở mục C Phụ lục 1 gồm ba cột: máy nói gì, sự thật ra sao, vì sao máy đoán sai; kèm một câu trả lời cá nhân cho câu hỏi có nên đưa thêm dữ liệu thật vào hay không và vì sao.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên nhập từ khoá về bạn M lên máy của lớp trước mặt học sinh, chiếu kết quả và phát phiếu đối chiếu. Giáo viên nói rõ tất cả dữ liệu vừa nhập đều là giả định, không có thông tin thật của em nào.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18’): Học sinh làm phiếu đối chiếu ba cột, sau đó viết câu trả lời cho câu hỏi có nên đưa thêm dữ liệu thật. Giáo viên gợi mở: hãy tìm chỗ máy nói chung chung đến mức đúng với bất cứ ai, và chỗ máy khen quá lời.

3. Báo cáo, thảo luận (14’): Bốn học sinh đọc phiếu của mình. Lớp gom thành ba kiểu sai thường gặp của máy rồi bàn tiếp câu hỏi về dữ liệu, chia thành hai phía đồng ý và không đồng ý.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Máy chỉ ghép lại từ những gì nó đọc được nên nó đoán theo số đông, mà số đông thì không phải là em. Muốn máy nói đúng về mình thì phải trả giá bằng dữ liệu riêng tư của mình, và đó là một lựa chọn có đánh đổi chứ không có câu trả lời chung cho mọi người.

TIẾT 15. NHẬN DIỆN KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI SỰ THAY ĐỔI

Kết nối hai tiết (3’): Hai tiết vừa rồi lớp đã đối diện với một thay đổi rất mới là sống cùng máy biết viết. Tiết này lớp học nội dung thứ tư của mặt tâm lí: thích ứng với mọi thay đổi đang tới.

Nhiệm vụ 2.7. Quân đã thích ứng với hoàn cảnh mới bằng cách nào (20’)

a) Mục tiêu: Chia sẻ được những tình huống thích ứng mà bản thân đã trải qua; chỉ ra được các biểu hiện thích ứng của một nhân vật trong trường hợp cụ thể.

b) Nội dung: Trường hợp ở hoạt động 4 sách giáo khoa trang 18: Quân chuyển đến trường mới, đường đi xa hơn, bố mẹ đi làm cả ngày không về nhà buổi trưa như trước, lớp có nhiều bạn học giỏi nhất là môn Tiếng Anh; Quân tìm hiểu đường giao thông để kịp đưa em đi học và đến trường đúng giờ, sắp xếp thời gian và phân công em cùng làm việc nhà, chủ động hỏi thầy cô và các bạn khi chưa hiểu bài, tự đọc và nghe thêm để rèn nghe nói tiếng Anh, tích cực tham gia hoạt động tập thể ở lớp, trường và khu dân cư để làm quen. Trước đó lớp chia sẻ theo ba hướng gợi ý là thay đổi về môi trường sống, ở môi trường học tập và trong quan hệ gia đình.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột của nhóm: khó khăn Quân gặp và việc Quân đã làm để thích ứng, có ít nhất bốn cặp; kèm một tình huống thích ứng của chính học sinh ghi vào mục B Phụ lục 1.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên phát bản in trường hợp của Quân, nêu ba hướng gợi ý để mỗi em nhớ lại một thay đổi mình từng trải qua, và giao nhiệm vụ lập bảng hai cột.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm lập bảng hai cột, mỗi cá nhân viết thêm tình huống của mình. Giáo viên nhắc các nhóm chú ý cả những việc nhỏ như tìm hiểu đường đi, vì thích ứng thường bắt đầu từ những việc nhỏ như thế.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm trình bày bảng. Lớp bổ sung và cùng đếm xem Quân đã xử lý được mấy khó khăn trong số các khó khăn mà hoàn cảnh mới đặt ra.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Quân không chờ hoàn cảnh dễ đi, bạn ấy đổi cách sống của mình cho vừa với hoàn cảnh. Đáng chú ý là Quân xử lý cả ba mặt cùng lúc: việc đi lại, việc nhà và việc học, chứ không bỏ mặt nào.

Nhiệm vụ 2.8. Biểu hiện của người có khả năng thích ứng (22')

a) Mục tiêu: Xác định được những biểu hiện của người có khả năng thích ứng với sự thay đổi và sắp xếp được các biểu hiện ấy theo trình tự từ nhận biết đến hành động.

b) Nội dung: Các biểu hiện ở hoạt động 4 sách giáo khoa trang 18 và trang 19: nhận biết được những đặc điểm mới, khác biệt so với trước kia qua quan sát và giao tiếp; bình tĩnh chấp nhận sự thay đổi; sẵn sàng học hỏi và thay đổi quan điểm, thói quen cũ cho phù hợp hoàn cảnh; dự đoán tình huống có thể xảy ra nếu không thay đổi hành vi; xác định những điều cần điều chỉnh hoặc bổ sung; lựa chọn những điều cần ưu tiên thay đổi; tìm cách điều chỉnh hoặc thay đổi hành vi phù hợp với yêu cầu mới; chủ động tham gia hoạt động cộng đồng và thiết lập quan hệ thân thiện với người xung quanh; chủ động học hỏi và tìm hiểu điều mới; thể hiện thái độ và suy nghĩ tích cực về những điều khác biệt; đánh giá sự điều chỉnh đã phù hợp hay chưa phù hợp với sự thay đổi.

c) Sản phẩm: Sơ đồ ba chặng của nhóm trên giấy A3: nhận biết và chấp nhận, quyết định điều chỉnh, hành động và đánh giá lại; mỗi chặng xếp đúng các biểu hiện tương ứng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát mỗi nhóm một bộ thẻ đã ghi sẵn từng biểu hiện, nêu nhiệm vụ: xếp các thẻ thành ba chặng theo trình tự tự nhiên của một quá trình thích ứng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm xếp thẻ thành sơ đồ ba chặng rồi dán lên A3. Giáo viên hỏi các nhóm xếp xong sớm một câu: chặng nào của các em có ít thẻ nhất, và điều đó nói lên gì.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm treo sơ đồ. Lớp so sánh cách xếp khác nhau, đặc biệt ở chỗ thẻ bình tĩnh chấp nhận sự thay đổi nên nằm ở chặng một hay chặng hai.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Thích ứng không phải một hành động mà là một chuỗi. Chặng cuối là đánh giá lại xem điều chỉnh đã phù hợp chưa, đây là chặng hay bị bỏ nhất và cũng là chặng làm người ta lặp lại sai lầm cũ trong lần thay đổi tiếp theo.

TIẾT 16. THỂ HIỆN SỰ TRƯỞNG THÀNH TRONG CUỘC SỐNG

Kết nối hai tiết (3'): Sáu tiết vừa qua lớp đã gọi được tên bốn mặt của sự trưởng thành. Từ tiết này, phần rèn luyện bắt đầu: các em phải làm thật chứ không chỉ nói ra được.

Nhiệm vụ 2.9. Sắm vai hai tình huống của người trưởng thành (20')

a) Mục tiêu: Thể hiện được cách ứng xử của người trưởng thành trong hai tình huống có sức ép: một tình huống với pháp luật và một tình huống với tập thể.

b) Nội dung: Hai tình huống ở hoạt động 5 sách giáo khoa trang 19. Tình huống 1: em vi phạm luật giao thông, công an yêu cầu dừng xe và lập biên bản, em sẽ ứng xử như thế nào. Tình huống 2: em nhận nhiệm vụ tổ chức hoạt động thiện nguyện tại địa phương, các bạn trong nhóm nghi ngờ khả năng tổ chức và điều hành nhóm của em, không cảm thấy thoải mái khi hợp tác cùng em; em sẽ làm gì để thể hiện sự trưởng thành của bản thân.

c) Sản phẩm: Hai kịch bản sắm vai, mỗi kịch bản khoảng tám lượt lời, kèm một dòng ghi rõ chi tiết nào trong kịch bản cho thấy nhân vật đã trưởng thành.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên phát bản in hai tình huống, chia sáu nhóm và bốc thăm, mỗi tình huống ba nhóm; nêu yêu cầu kịch bản phải có cả lời của phía bên kia.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Các nhóm viết kịch bản và tập sắm vai. Giáo viên nhắc tình huống 1 kiểm tra thái độ trước pháp luật, tình huống 2 kiểm tra cách giữ bình tĩnh khi bị nghi ngờ năng lực; hai việc cần hai cách ứng xử khác nhau.

3. Báo cáo, thảo luận (5’): Hai nhóm lên sắm vai, mỗi tình huống một nhóm. Lớp nhận xét theo một câu hỏi duy nhất: chi tiết nào cho thấy nhân vật đã trưởng thành, chứ không chỉ là cãi giỏi.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Ở tình huống đầu, trưởng thành là nhận lỗi và chấp hành, không xin xỏ cũng không cãi bừa. Ở tình huống sau, trưởng thành là không tự ái mà hỏi các bạn cụ thể lo điều gì, rồi chứng minh bằng một việc làm được ngay.

Nhiệm vụ 2.10. Kế hoạch một việc thể hiện sự trưởng thành (22’)

a) Mục tiêu: Đề xuất và lập được kế hoạch thực hiện một việc mà bản thân dự định làm để thể hiện sự trưởng thành trong gia đình hoặc ngoài xã hội.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 5 sách giáo khoa trang 19, sách gợi ý ba hướng: chăm sóc và dạy em nhỏ trong gia đình; tổ chức hoạt động tập thể của lớp; tổ chức sinh nhật cho thiếu niên, nhi đồng trong dịp hè. Mỗi học sinh chọn một việc và lập kế hoạch nhỏ gồm việc làm, thời gian, người cùng làm và dấu hiệu cho thấy đã làm được.

c) Sản phẩm: Kế hoạch cá nhân ở bảng D1 Phụ lục 1, có ít nhất một việc kèm thời hạn cụ thể trong vòng bốn tuần và một dấu hiệu người khác nhìn vào là biết đã làm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên nêu ba hướng gợi ý ở trang 19 và cho thêm hai hướng gần với lớp mình, sau đó hướng dẫn cách điền bảng D1.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Học sinh điền bảng kế hoạch. Giáo viên đi một vòng, tập trung giúp các em viết dấu hiệu còn chung chung bằng câu hỏi: người trong nhà nhìn vào đâu thì biết em đã làm.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Học sinh trao đổi kế hoạch theo cặp, mỗi em nhận xét kế hoạch của bạn theo hai câu hỏi: việc này có làm được trong bốn tuần không và dấu hiệu đã rõ chưa.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Sự trưởng thành không chứng minh bằng lời nói mà bằng một việc có thời hạn và có người khác nhìn thấy kết quả. Bốn tuần tới là thời gian để các em chứng minh.

TIẾT 17. GIỚI THIỆU ĐAM MÊ CỦA BẢN THÂN

Kết nối hai tiết (3'): Kế hoạch ở tiết trước là một việc làm cụ thể. Tiết này lớp nói về thứ có thể theo các em rất lâu sau khi rời trường: đam mê của chính mình.

Nhiệm vụ 2.11. Giới thiệu đam mê và quá trình theo đuổi (42')

a) Mục tiêu: Giới thiệu được đam mê của bản thân và quá trình theo đuổi đam mê ấy; kết nối được với những bạn có cùng đam mê để chia sẻ và hỗ trợ nhau.

b) Nội dung: Bốn nội dung gợi ý ở hoạt động 6 sách giáo khoa trang 19 và trang 20: lĩnh vực đam mê; lí do đam mê; những việc đã và đang làm để thực hiện đam mê; những thay đổi của bản thân khi theo đuổi đam mê. Sách gợi ý hình thức thuyết trình hoặc đoạn phim ngắn; ở điều kiện lớp mình, học sinh trình bày bằng một tờ áp phích A4 vẽ tay kèm lời nói. Sau phần giới thiệu, lớp gom những bạn cùng lĩnh vực thành nhóm.

c) Sản phẩm: Áp phích A4 giới thiệu đam mê của mỗi học sinh đủ bốn nội dung; danh sách các nhóm cùng đam mê của lớp kèm một việc mà mỗi nhóm hẹn nhau cùng làm trong học kì.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát giấy A4 và bút màu, viết bốn nội dung bắt buộc lên bảng và nêu quy ước: mỗi em nói không quá hai phút, nội dung thứ ba phải có việc đã làm chứ không chỉ là dự định.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Học sinh làm áp phích cá nhân. Giáo viên đi một vòng, giúp các em chưa gọi tên được đam mê bằng câu hỏi: việc gì làm em quên cả giờ giấc, và việc gì em vẫn làm dù không ai bảo và không được điểm.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Học sinh treo áp phích quanh lớp và đi xem một vòng, sau đó tám em xung phong giới thiệu trước lớp. Giáo viên gom các em cùng lĩnh vực thành nhóm và cho mỗi nhóm hẹn nhau một việc cùng làm.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Đam mê không cần to tát và cũng không cần trùng với nghề tương lai. Điều đáng quý ở các áp phích hôm nay nằm ở nội dung thứ tư: mỗi em đều đã đổi khác đi một chút vì thứ mình theo đuổi.

TIẾT 18. RÈN LUYỆN Ý CHÍ CỦA BẢN THÂN

Kết nối hai tiết (3'): Đam mê giới thiệu ở tiết trước sẽ có lúc gặp trở ngại. Tiết này lớp rèn thứ giữ mình lại lúc ấy: ý chí.

Nhiệm vụ 2.12. Thể hiện ý chí trong hai trường hợp khó (42')

a) Mục tiêu: Thể hiện được ý chí của bản thân trong hai trường hợp có trở ngại; lựa chọn được một việc cần thể hiện ý chí của chính mình và nêu được cách duy trì ý chí khi thực hiện.

b) Nội dung: Hai trường hợp ở hoạt động 7 sách giáo khoa trang 20. Trường hợp 1: Tiến đặt mục tiêu điểm thi tốt nghiệp môn Ngữ văn phải đạt tối thiểu là 7 điểm, nhưng kết quả học tập hiện tại môn này lại không như mong muốn. Trường hợp 2: Ngọc là thành viên đội tuyển điền kinh của trường, việc tập luyện được tổ chức hằng tuần và phải duy trì chạy đường dài thường xuyên; ngoài lịch học khá dày Ngọc còn phải làm việc nhà, và bố mẹ không đồng ý việc bạn tham gia đội tuyển. Sau khi sắm vai, mỗi học sinh chọn một việc của mình cần thể hiện ý chí và lập kế hoạch thực hiện.

c) Sản phẩm: Hai kịch bản sắm vai của các nhóm; bảng cách duy trì ý chí do cả lớp gom lại; kế hoạch một việc cần thể hiện ý chí của mỗi học sinh ở mục B Phụ lục 1.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in hai trường hợp, chia sáu nhóm và bốc thăm; lưu ý trường hợp 1 là trở ngại từ chính năng lực còn trường hợp 2 là trở ngại từ hoàn cảnh và từ người thân, nên cách vượt qua sẽ khác nhau.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm viết kịch bản và tập sắm vai; sau đó mỗi em viết kế hoạch một việc của mình. Giáo viên nhắc riêng các nhóm làm trường hợp 2 rằng thuyết phục bố mẹ cũng là một phần của ý chí, không phải cứ làm lén là kiên định.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm sắm vai. Sau mỗi lượt, lớp rút ra một cách duy trì ý chí và giáo viên ghi lên bảng thành danh sách chung: chia mục tiêu lớn thành mốc nhỏ, tìm người cùng làm, ghi lại tiến bộ, tự thưởng khi đạt mốc.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Ý chí không phải là gồng lên chịu đựng. Trong hai trường hợp vừa xem, cách hiệu quả nhất đều là chia mục tiêu thành mốc nhỏ và tìm được người đứng về phía mình. Đặt mục tiêu bảy điểm mà không chia thành từng tuần thì mục tiêu ấy chỉ là mong ước.

TIẾT 19. THỂ HIỆN KHẢ NĂNG TƯ DUY ĐỘC LẬP

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp giữ được mục tiêu của mình trước trở ngại. Tiết này giữ được cách nghĩ của mình trước lời khuyên của người khác, kể cả người thân.

Nhiệm vụ 2.13. Tranh biện hai nhận định quen thuộc (20')

a) Mục tiêu: Thể hiện được tư duy độc lập khi tranh biện về hai nhận định thường được nghe trong đời sống học đường.

b) Nội dung: Hai nhận định ở hoạt động 8 sách giáo khoa trang 21. Nhận định thứ nhất: nên chọn nghề nghiệp theo lời khuyên của bố mẹ hơn là theo sở thích, khả năng của bản thân. Nhận định thứ hai: chỉ nên chơi với những bạn giỏi hơn mình vì gần mực thì đen, gần đèn thì rạng. Mỗi nhận định do hai nhóm tranh biện ở hai phía.

c) Sản phẩm: Biên bản tranh biện cho hai nhận định, mỗi nhận định có ba lí lẽ mỗi phía và một câu kết luận có điều kiện của lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên viết hai nhận định lên bảng, chia bốn nhóm cho hai nhận định và cử thư kí; nêu luật: không được bác bỏ mà không đưa lí lẽ thay thế.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm chuẩn bị lí lẽ. Giáo viên gợi mở cho nhóm bảo vệ nhận định thứ nhất rằng bố mẹ có kinh nghiệm sống và hiểu hoàn cảnh gia đình, đó là những căn cứ thật chứ không phải chỉ là áp đặt.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Hai cặp nhóm tranh biện lần lượt, mỗi cặp ba lượt. Thư kí ghi biên bản lên bảng.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Cả hai nhận định đều sai ở chỗ tuyệt đối hoá. Lời khuyên của bố mẹ là dữ liệu quý phải nghe, nhưng người đi làm nghề ấy suốt đời là các em. Bạn giỏi hơn giúp mình tiến, nhưng tình bạn không phải một phép tính lợi hại.

Nhiệm vụ 2.14. Xử lí ba tình huống đòi hỏi tư duy độc lập (22')

a) Mục tiêu: Sắm vai xử lí được ba tình huống mà người trong cuộc chịu sức ép từ bạn bè hoặc từ gia đình, thể hiện được cách quyết định dựa trên kiểm chứng chứ không theo số đông.

b) Nội dung: Ba tình huống ở hoạt động 8 sách giáo khoa trang 21. Tình huống 1: Phúc và Nhân đều là bạn của Thanh, hai bạn có mâu thuẫn; Phúc nói Nhân ích kỉ và đề nghị Thanh cắt đứt tình bạn với Nhân, nếu không thì Phúc cũng chấm dứt tình bạn với Thanh. Tình huống 2: gia đình Liên khó khăn, hàng xóm giới thiệu một công việc làm thêm qua mạng lương cao, bố mẹ Liên rất mừng và hối thúc bạn nhận lời, nhưng Liên đọc báo và biết có nhiều người bị lừa khi tìm việc làm thêm. Tình huống 3: Mai rủ Hùng tham gia câu lạc bộ ngoại khoá vì phù hợp đam mê của Hùng, còn Tuấn lại rủ Hùng đi làm thêm để có tiền mua đồ yêu thích; cả hai đều đưa ra lợi ích để thuyết phục Hùng.

c) Sản phẩm: Ba kịch bản sắm vai kèm bảng ba cột cho mỗi tình huống: sức ép đến từ đâu, thông tin cần kiểm chứng thêm, quyết định và lí do.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát bản in ba tình huống, giao mỗi tình huống cho hai nhóm; nhấn mạnh yêu cầu cột thứ hai là chỗ thể hiện tư duy độc lập rõ nhất.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm điền bảng ba cột rồi dựng kịch bản ngắn. Giáo viên gợi ý tình huống 2 rằng việc cần kiểm chứng là nơi tuyển có địa chỉ thật không, có yêu cầu nộp tiền trước không và có đòi ảnh giấy tờ tùy thân không.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm sắm vai, mỗi tình huống một nhóm, sau đó đọc bảng ba cột của mình. Lớp bổ sung thông tin cần kiểm chứng mà nhóm bỏ sót.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Cả ba tình huống đều có một điểm chung là người khác quyết hộ mình. Tư duy độc lập không phải là làm ngược lại, mà là dừng lại kiểm chứng trước khi gật đầu. Riêng tình huống của Liên, việc đòi ảnh giấy tờ tùy thân chính là dấu hiệu đáng ngờ mà các em đã học cách nhận ra ở tiết 13.

TIẾT 20. KẾ HOẠCH RÈN LUYỆN BẢN THÂN VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3'): Mười tiết vừa qua lớp đã đi hết bốn mặt: ý chí, đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng. Tiết cuối gói tất cả vào một bản kế hoạch cho chặng đường sắp tới.

Thay đổi	Những việc cần làm để thích ứng
Sống xa gia đình	– Tập nấu các món ăn đơn giản, đủ dinh dưỡng và phù hợp khả năng tài chính. – Biết cách chăm sóc bản thân: đảm bảo dinh dưỡng, sử dụng đúng thuốc khi đau ốm,... – Tập thể dục để nâng cao sức khỏe. – Lập kế hoạch chi tiêu phù hợp với số tiền mình có. – Biết sử dụng tài khoản ngân hàng. – ...

Bảng mẫu thay đổi và những việc cần làm để thích ứng — SGK trang 22

Hoạt động 3. Luyện tập – Liệt kê thay đổi và những việc cần làm để thích ứng (20')

a) Mục tiêu: Liệt kê được những thay đổi đang và sẽ diễn ra trong cuộc sống của bản thân; chỉ ra được những việc cần làm để thích ứng với từng thay đổi ấy.

b) Nội dung: Ba trường hợp ở hoạt động 9 sách giáo khoa trang 21 và trang 22 làm mẫu: Minh thay đổi nguyện vọng ngành học nên cần đổi một số môn học thêm trong khi chỉ còn vài tháng đến kì thi; Tùng đến sống cùng ông bà khi bố mẹ đi làm xa, phải đi học xa hơn, đường truyền internet không ổn định và ông bà đã già thường ốm đau; Chiến chuẩn bị thi đại học và có thể sẽ sống xa gia đình, biết môi trường đại học nhiều thay đổi và phải tự làm mọi việc. Bảng mẫu ở trang 22 lấy thay đổi Sống xa gia đình làm ví dụ với năm việc cần làm. Mỗi học sinh làm bảng tương tự cho chính mình.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột của mỗi học sinh ở mục D2 Phụ lục 1, có ít nhất ba thay đổi và mỗi thay đổi kèm ba việc cần làm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu bảng mẫu ở trang 22, chỉ ra rằng năm việc cần làm cho một thay đổi đều rất cụ thể và làm được ngay, không có việc nào chung chung.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh làm bảng hai cột cho chính mình. Giáo viên đi một vòng, nhắc các em mới ghi được một thay đổi hãy nghĩ thêm về ba trường hợp của Minh, Tùng và Chiến vừa đọc.

3. Báo cáo, thảo luận (4'): Bốn học sinh đọc bảng của mình theo bốn kiểu thay đổi khác nhau. Lớp bổ sung việc cần làm cho nhau.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Thay đổi lớn nhất đang chờ cả lớp là ngày rời khỏi ngôi trường này. Bảng vừa làm không phải bài tập nộp cho thầy cô mà là bản chuẩn bị cho chính các em.

Hoạt động 4. Vận dụng – Kế hoạch rèn luyện bốn mặt và tự đánh giá chủ đề (22')

a) Mục tiêu: Lập được kế hoạch rèn luyện phẩm chất ý chí, sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng của bản thân; theo dõi và báo cáo được kết quả thực hiện kế hoạch đó.

b) Nội dung: Bốn nhiệm vụ ở hoạt động 10 sách giáo khoa trang 22 và trang 23: lập kế hoạch với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, liệt kê vấn đề cần ưu tiên và dự kiến kết quả sau từng khoảng thời gian; thực hiện kế hoạch; ghi chép theo dõi quá trình và sự thay đổi của bản thân; phân tích và báo cáo kết quả theo ba gợi ý ở trang 23 là

đánh giá kết quả cùng điểm mạnh và tồn tại, xác định nguyên nhân của phần chưa thành công, điều chỉnh kế hoạch để tiếp tục rèn luyện. Sau đó mỗi em hoàn thành phiếu tự đánh giá theo chín tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 23 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Kế hoạch rèn luyện bốn mặt ở bảng D3 Phụ lục 1; nhật kí bốn tuần mỗi tuần một dòng; phiếu tự đánh giá chín tiêu chí đã đánh dấu, nộp lại vào tiết sinh hoạt lớp cuối tháng.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’):** Giáo viên chiếu chín tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 23, giải thích từng tiêu chí bằng đúng sản phẩm mà lớp đã làm trong mười một tiết vừa qua.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (10’):** Học sinh điền bảng kế hoạch D3 cho cả bốn mặt và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho mỗi tiêu chí chọn mức Đạt.
- 3. Báo cáo, thảo luận (6’):** Bốn học sinh chia sẻ kế hoạch của mình và một tiêu chí chưa đạt. Lớp góp ý cách làm tiếp, đặc biệt với các bạn đặt mục tiêu quá lớn cho bốn tuần.
- 4. Kết luận, nhận định (3’):** GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng kế hoạch rèn luyện thì chạy tiếp bốn tuần và có thể lâu hơn. Nhật kí và phiếu tự đánh giá là căn cứ để đánh giá thường xuyên, còn phần điều chỉnh kế hoạch mới là chỗ cho thấy các em đã thật sự trưởng thành.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....
.....
.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 2 – DỪNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. So với đầu năm lớp 10, em thấy mình khác đi ở điểm nào rõ nhất?
2. Ở nhà và ở lớp, việc gì trước kia bố mẹ hoặc thầy cô làm hộ mà nay em tự làm?
3. Điều gì khiến em thấy mình vẫn còn chưa đủ lớn?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 2

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc trường hợp minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một trường hợp trong sách hoặc chuyện thật của em.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ bản thân.
1. Ba mặt trưởng thành của cá nhân			
2. Biểu hiện của phẩm chất ý chí và sự đam mê			
3. Đặc điểm của người có tư duy độc lập			
4. Biểu hiện của khả năng thích ứng với sự thay đổi			
5. Quyền và trách nhiệm công dân của bản thân			

Tự soi ba mặt trưởng thành (làm ở tiết 10, đánh dấu X vào một mức):

Mặt trưởng thành	Biểu hiện em chọn để tự soi	Đã vững	Đang tập	Chưa bắt đầu
Thể chất				
Tâm lí				
Xã hội				

Liên hệ bản thân (viết dần qua các tiết):

- Ý chí của em thể hiện rõ nhất khi:
- Một tình huống em đã phải thích ứng:
- Việc em chọn để thể hiện ý chí và kế hoạch thực hiện:
-

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

C1. Rà soát thông tin cá nhân của em (làm ở tiết 13)

Phiếu này là của riêng em. Thầy cô không thu và không đọc. Khi chia sẻ trước lớp, em chỉ nói tên nhóm thông tin, không nói nội dung cụ thể.

Công khai được	Chỉ chia sẻ với người quen	Tuyệt đối không chia sẻ

Ba mục em quyết định khoá hoặc gỡ ngay:

Mục cần khoá hoặc gỡ	Đang để ở mức nào	Nếu để công khai thì rủi ro là gì
1.		
2.		
3.		

C2. Máy mô tả em có đúng không (làm ở tiết 14)

Đọc bản mô tả điểm mạnh mà phần mềm trí tuệ nhân tạo viết cho bạn M, đối chiếu với phiếu tự soi ba mặt trưởng thành ở mục B rồi điền bảng dưới đây.

Máy nói gì	Sự thật ra sao	Vì sao máy đoán sai
1.		
2.		
3.		

Câu hỏi cuối: muốn máy mô tả đúng hơn thì phải đưa thêm dữ liệu thật về mình. Em có đồng ý làm việc đó không? Vì sao?

.....
.....

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Kế hoạch một việc thể hiện sự trưởng thành (làm ở tiết 16)

Việc em sẽ làm	Thời gian thực hiện	Người cùng làm hoặc hỗ trợ	Dấu hiệu cho thấy em đã làm được

D2. Thay đổi trong cuộc sống của em và việc cần làm để thích ứng (làm ở tiết 20)

Thay đổi đang và sẽ diễn ra	Những việc cần làm để thích ứng

D3. Kế hoạch rèn luyện bốn mặt của bản thân (làm ở tiết 20)

Mặt cần rèn luyện	Mục tiêu (ngắn hạn hoặc dài hạn)	Việc làm cụ thể	Thời gian	Kết quả dự kiến
Phẩm chất ý chí				
Sự đam mê				
Tư duy độc lập				
Khả năng thích ứng				

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc trường hợp	Rút ra điều gì?
1. Ba mặt trưởng thành của cá nhân	Trang 16 chia biểu hiện trưởng thành thành ba mặt: thể chất, tâm lí và xã hội. Mặt tâm lí gồm bốn nội dung là ý chí, đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng.	Mặt thể chất: tăng chiều cao, thay đổi cân nặng, thay đổi giọng nói. Mặt xã hội: nhận biết và thực hiện quyền cùng trách nhiệm công dân, chủ động thiết lập quan hệ xã hội, làm tròn vai trong gia đình, tổ chức được cuộc sống cá nhân. Ví dụ về bạn V ở trang 16 minh hoạ cho cả ba mặt.	Mặt thể chất đến theo tuổi, hai mặt còn lại phải rèn mới có. Bốn nội dung của mặt tâm lí chính là bốn phần lớn của chủ đề.
2. Biểu hiện của phẩm chất ý chí và sự đam mê	Trang 17 nêu sáu biểu hiện của phẩm chất ý chí và năm biểu hiện của sự đam mê, lấy trường hợp của Khánh làm ngữ liệu.	Ý chí: xác định mục đích rõ ràng; độc lập ra quyết định và hành động; quyết đoán, kiên định; kiên trì vượt khó; kiên định từ chối hành vi trái mục đích; tự chủ, kiểm soát hành vi và cảm xúc. Đam mê: luôn nghĩ về điều yêu thích; có niềm vui và hào hứng; hào hứng trao đổi; dành nhiều thời gian, công sức; quyết tâm vượt rào cản. Khánh chơi bóng rổ từ năm học lớp 8.	Đam mê cho sức bật lúc đầu, ý chí giữ người ta lại lúc chán. Ranh giới giữa sở thích và con đường nằm ở chỗ vẫn làm khi đã hết hứng thú.
3. Đặc điểm của người có tư duy độc lập	Trang 17 cho hai ý kiến để tranh biện, trang 18 nêu bảy biểu hiện của tư duy độc lập.	Bảy biểu hiện: không lệ thuộc ý kiến người khác; biết lắng nghe ý kiến hợp lí; có cách nhìn riêng dựa trên quan sát và kinh nghiệm; biết tự đánh giá và kiểm chứng thông tin; bình tĩnh, không vội nghe theo; thu thập thông tin từ nhiều nguồn; phân tích được dấu hiệu bản chất.	Ba biểu hiện đầu giữ cho mình không bị cuốn theo, bốn biểu hiện sau dạy cách kiểm chứng. Thiếu về sau thì độc lập thành cứng đầu.
4. Biểu hiện của khả năng thích ứng với sự thay đổi	Trang 18 và trang 19 nêu các biểu hiện của người có khả năng thích ứng, từ nhận biết đặc điểm mới cho tới đánh giá lại sự điều chỉnh; trường hợp của Quân ở trang 18 là ngữ liệu.	Quân chuyển trường, đường xa hơn, bố mẹ đi làm cả ngày; bạn tìm hiểu đường giao thông, sắp xếp thời gian và phân công em làm việc nhà, chủ động hỏi thầy cô và các bạn, tự rèn nghe nói tiếng Anh, tham	Thích ứng là một chuỗi ba chặng chứ không phải một hành động. Chặng đánh giá lại hay bị bỏ nhất và chính nó khiến người ta lặp lại sai lầm cũ.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc trường hợp	Rút ra điều gì?
		gia hoạt động tập thể ở lớp, trường và khu dân cư.	
5. Quyền và trách nhiệm công dân của bản thân	Trang 16 đặt việc nhận biết quyền và trách nhiệm công dân, cùng ý thức thực hiện quyền và trách nhiệm ấy, vào nhóm biểu hiện trưởng thành về mặt xã hội.	Ở tuổi mười tám, quyền được bảo vệ thông tin cá nhân là quyền rất cụ thể. Bốn thứ hay bị đưa lên mạng nhất là ngày sinh đầy đủ, số điện thoại, địa chỉ nhà và ảnh giấy tờ tùy thân.	Làm chủ dữ liệu của mình là một phần của việc làm chủ cuộc đời mình, và cũng là trách nhiệm chứ không chỉ là quyền.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Phần C1 – cách xếp thường gặp và hợp lí: nhóm công khai được gồm tên gọi thân mật, lớp, sở thích chung, ảnh hoạt động tập thể có mặt nhiều người. Nhóm chỉ chia sẻ với người quen gồm ảnh cá nhân, tên trường kèm lịch học, tên người thân. Nhóm tuyệt đối không chia sẻ gồm ngày sinh đầy đủ, số căn cước công dân, ảnh giấy tờ tùy thân, số điện thoại, địa chỉ nhà, số tài khoản và mật khẩu.

Rủi ro – rủi ro cần chỉ ra cho ba mục đã chọn khoá: ghép ngày sinh với họ tên và trường thì đủ để mạo danh; ảnh giấy tờ tùy thân bị dùng để mở tài khoản hoặc vay tiền; địa chỉ nhà cộng với lịch học cho biết lúc nào nhà không có người.

Phần C2 – ba kiểu sai thường gặp của máy: nói chung chung đến mức đúng với bất cứ ai, ví dụ bạn ấy chăm chỉ và hoà đồng; khen quá lời vì được yêu cầu mô tả điểm mạnh; suy ra một tính cách từ một sở thích, ví dụ thích bóng rổ nên chắc là hướng ngoại và giỏi lãnh đạo. Nguyên nhân chung là máy đoán theo số đông vì thiếu dữ liệu của riêng người ấy.

Câu hỏi cuối – không có đáp án đúng duy nhất; chấp nhận cả hai phía miễn là học sinh nêu được cái được và cái mất. Phía đồng ý thường nói máy sẽ tư vấn hợp hơn; phía không đồng ý thường nói dữ liệu đã đưa lên thì không lấy lại được. Điều cần đạt là học sinh gọi ra được sự đánh đổi, không trả lời theo cảm tính.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Xếp được thông tin cá nhân vào đúng ba nhóm theo mức chia sẻ: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được rủi ro cụ thể cho cả ba mục quyết định khoá hoặc gỡ: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Chỉ ra được ba chỗ máy đoán sai và giải thích được nguyên nhân: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được cả cái được và cái mất khi đưa thêm dữ liệu thật cho máy: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh chỉ nêu được biểu hiện trưởng thành về thể chất vì đó là thứ dễ thấy nhất. Gợi mở: hỏi năm nay em được làm việc gì mà năm ngoái chưa được làm, và ai trong nhà đã bắt đầu hỏi ý kiến em.

Lỗi 2 – lẫn ý chí với đam mê, xếp mọi chi tiết của Khánh vào một cột. Gợi mở: đưa hai câu hỏi phân biệt, đam mê trả lời em thích gì còn ý chí trả lời em vẫn làm khi không còn thích.

Lỗi 3 – nhầm tư duy độc lập với bảo thủ, cho rằng cứ giữ ý kiến là độc lập. Gợi mở: hỏi lần gần nhất em đổi ý kiến của mình là khi nào và vì bằng chứng gì.

Lỗi 4 – phiếu rà soát thông tin cá nhân bị điền qua loa vì học sinh nghĩ mình chẳng có gì để mất. Gợi mở: hỏi nếu người lạ biết đúng trường, đúng lớp và đúng giờ tan học của em thì họ làm được gì.

Lỗi 5 – khi đối chiếu với máy, học sinh chỉ khen máy nói đúng vì bản mô tả toàn lời hay. Gợi mở: yêu cầu chỉ ra một câu trong bản mô tả mà đem áp cho bạn bên cạnh cũng vẫn đúng.

Lỗi 6 – kế hoạch rèn luyện đặt mục tiêu quá lớn cho bốn tuần, ví dụ trở thành người có ý chí. Gợi mở: yêu cầu đổi thành một việc đếm được trong tuần, ví dụ chạy ba buổi mỗi tuần hoặc học xong hai chuyên đề.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhằm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.